



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ -
Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con con (gọi chung là "Tập đoàn") trình bày báo cáo của Hội đồng Quản trị và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 18 lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301427028 ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh có giá trị trong thời hạn không xác định.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô IV - 22, Đường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hội đồng Quản trị	Ông La Văn Hoàng	Chủ tịch
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch
	Bà Bùi Bích Hồng	Thành viên
	Ông La Hoài Nam	Thành viên
	Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông La Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Giám đốc Thương mại & Điều hành
	Bà Đào Thị Thuận	Giám đốc Cung ứng
	Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Giám đốc Tài chính
	Ông Lê Bá Cường	Giám đốc nhân sự
	Bà Đồng Thị Ngọc Triều	Kế toán trưởng

Kết quả hoạt động và cổ tức

Lợi nhuận thuần hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 41.149.171.209 VND (2011: lỗ thuần 110.188.653.395 VND). Trong năm, Tập đoàn không công bố cổ tức (2011: Không).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Tuyên bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị về báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm. Khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo giá định hoạt động liên tục trừ khi giá định này không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị xác nhận Tập đoàn đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc ghi chép kế toán đúng sổ sách kế toán của Tập đoàn và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Tập đoàn tại mọi thời điểm. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Tập đoàn và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, các báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Lạ Văn Hoàng
Chủ tịch

Ngày 25 tháng 3 năm 2013



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
116 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (0) 3821 9266
Fax +84 (0) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa ("Công ty") và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được trình bày từ trang 4 đến trang 46, đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2013. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Hội đồng Quản trị, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 12-01-208



Khiếu Chi Ngọc Hào
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0866/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0436/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		399.505.299.003	572.323.728.518
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	29.087.008.046	46.387.663.847
Phải thu ngắn hạn	130		120.213.868.993	220.003.208.812
Phải thu khách hàng	131		90.152.215.656	191.040.045.639
Trả trước cho người bán	132		20.693.922.998	18.721.827.370
Các khoản phải thu khác	135		10.205.348.345	10.241.335.803
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(837.618.006)	-
Hàng tồn kho	140	6	214.343.788.271	276.197.958.319
Hàng tồn kho	141		243.227.033.420	306.142.319.513
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(28.883.245.149)	(29.944.361.194)
Tài sản ngắn hạn khác	150		35.860.633.693	29.734.897.540
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.158.360.616	8.831.248.661
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.986.616.974	20.288.544.496
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154		747.401.444	30.485.697
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.968.254.659	584.618.686
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 260)	200		1.391.294.439.685	1.484.503.068.243
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.917.820.623	4.662.277.500
Tài sản cố định	220		1.322.564.063.934	1.405.638.058.550
Tài sản cố định hữu hình	221	7	752.402.862.957	860.587.705.515
Nguyên giá	222		1.102.690.557.154	1.224.267.450.915
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(350.287.694.197)	(363.679.745.400)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	8	253.510.675.176	193.271.079.311
Nguyên giá	225		309.783.537.672	238.668.508.457
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(56.272.862.496)	(45.397.429.146)
Tài sản cố định vô hình	227	9	288.787.848.791	291.628.329.308
Nguyên giá	228		299.371.430.991	299.616.184.220
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.583.582.200)	(7.987.854.912)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	27.862.677.010	60.150.944.416
Tài sản dài hạn khác	260		61.812.555.128	74.202.732.193
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	10.084.234.059	10.396.371.859
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	192.423.577	2.316.778.124
Tài sản dài hạn khác	268		2.184.380.000	5.545.013.727
Lợi thế thương mại	269	13	49.351.517.492	55.944.568.483
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.790.799.738.688	2.056.826.796.761

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.154.786.177.402	1.462.562.406.684
Nợ ngắn hạn	310		840.347.795.600	1.024.505.175.501
Vay ngắn hạn	311	14	715.101.821.425	855.084.665.308
Phải trả người bán	312		72.150.416.100	67.637.834.169
Người mua trả tiền trước	313		6.327.213.896	44.776.452.200
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	15	7.775.641.569	18.980.807.486
Phải trả người lao động	315		3.101.353.682	1.663.411.160
Chi phí phải trả	316	16	17.141.021.330	19.076.074.826
Các khoản phải trả khác	319	17	15.377.050.210	13.883.805.964
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		3.373.277.388	3.402.124.388
Vay và nợ dài hạn	330		314.438.381.802	438.057.231.183
Vay và nợ dài hạn	334	18	314.438.381.802	438.049.637.859
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		-	7.593.324
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		636.013.561.286	594.264.390.077
Vốn chủ sở hữu	410	19	636.013.561.286	594.264.390.077
Vốn cổ phần	411	20	522.500.000.000	522.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.900.000.000	46.900.000.000
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(780.000)	(780.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		5.714.053.793	5.714.053.793
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	10.973.114.162	10.973.114.162
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	21	192.503.849	192.503.849
Lợi nhuận chưa phân phối	420		49.734.669.482	7.985.498.273
LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	22	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		1.790.799.738.688	2.056.826.796.761

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ		
+ USD	29.005	347.387
+ EUR	27.957	862
+ GBP	165	165
+ CHF	-	28.004

Người lập:

Đổng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:

La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	23	1.882.900.966.370	1.860.760.889.026
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	9.751.365.131	23.024.380.276
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	23	1.873.149.601.239	1.837.736.508.750
Giá vốn hàng bán	11		1.356.092.083.802	1.393.035.546.741
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		517.057.517.437	444.700.962.009
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.491.111.249	5.369.350.219
Chi phí tài chính	22	25	170.259.344.865	270.744.056.835
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>166.214.865.952</i>	<i>252.699.597.645</i>
Chi phí bán hàng	24		177.795.381.026	175.795.713.378
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		81.888.730.643	86.373.345.584
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		91.605.172.152	(82.842.803.569)
Thu nhập khác	31	26	123.782.477.071	36.028.446.519
Chi phí khác	32	27	123.122.707.300	32.414.716.080
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		659.769.771	3.613.730.439
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (50 = 30 + 40)	50		92.264.941.923	(79.229.073.130)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	48.991.416.167	31.747.322.921
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	28	2.124.354.547	(787.742.656)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		41.149.171.209	(110.188.653.395)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 02 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Phân bổ cho:				
Lợi ích cổ đông thiểu số	61	22	(600.000.000)	(1.953.735.783)
Cổ đông của Công ty	62		41.749.171.209	(108.234.917.612)
<hr/>				
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	29	799	(2.107)
<hr/>				

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng



Người duyệt:



La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		92.264.941.923	(79.229.073.130)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		126.596.495.231	127.168.498.904
Các khoản dự phòng	03		(181.255.817)	30.072.090.076
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(72.118.893)	2.690.497.356
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định	05		5.434.924.268	(7.009.663.405)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(1.139.203.958)	(1.665.983.443)
Chi phí lãi vay	06		166.214.865.952	252.699.597.645
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		389.118.648.706	324.725.964.003
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		96.959.947.393	71.385.760.545
Biến động hàng tồn kho	10		62.873.043.871	20.162.220.970
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(34.002.577.097)	5.977.873.387
Biến động chi phí trả trước	12		(2.014.974.155)	11.175.709.531
			512.934.088.718	433.427.528.436
Tiền lãi vay đã trả	13		(168.883.803.704)	(248.215.640.512)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(57.430.633.538)	(28.740.264.202)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(36.440.324)	(3.996.130.909)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		286.583.211.152	152.475.492.813

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(31.611.283.294)	(75.385.860.442)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		111.959.484.849	33.762.384.636
Tiền thu lãi tiền gửi	27		1.139.203.958	1.665.983.443
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		81.487.405.513	(39.957.492.363)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	125.893.480.000
Cổ đông thiểu số góp vốn	31		600.000.000	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		2.467.011.124.946	2.402.846.421.909
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.715.024.979.744)	(2.599.514.036.571)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(137.957.873.413)	(79.753.002.284)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(385.371.728.211)	(150.527.136.946)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(17.301.111.546)	(38.009.136.496)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		46.387.663.847	84.396.800.343
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		455.745	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	29.087.008.046	46.387.663.847

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng



Người duyệt:

La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”). Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng, nước tinh khiết, soda và nước ngọt, vận chuyển bằng xe ô-tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại, sản xuất thực phẩm, hải sản, sữa và các sản phẩm liên quan và nước giải khát không cồn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có 1.484 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.192 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

(ii) Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể đến ngày chấm dứt ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai, trừ phi Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết các khoản lỗ này.

(ii) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty đó.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay quỹ đối các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty và các công ty con, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Công ty hoặc công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi Công ty hoặc các công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái có liên quan được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái được kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ thiết bị văn phòng	4 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được ghi nhận bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 43 năm đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm phí cấp tín dụng trung dài hạn, phí phát hành trái phiếu và chênh lệch tỷ giá giai đoạn đầu tư, được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Đối với các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại nằm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(l) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phân ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(q) Các khoản thanh toán thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuế. Các khoản hoa hồng đi thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuế.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

	Năm		Thực phẩm		Loại trừ		Hợp nhất	
	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng bên ngoài	1.732.561.219.786	1.714.655.412.265	140.588.381.453	123.081.096.485	-	-	1.873.149.601.239	1.837.736.508.750
Doanh thu trong bộ phận	1.374.825.227.135	1.144.380.768.034	3.521.725.339	13.905.867.059	(1.378.346.952.474)	(1.158.286.635.093)	-	-
Doanh thu giữa các bộ phận	7.702.237.861	16.355.995.120	447.665.950	283.389.580	(8.149.903.811)	(16.639.384.700)	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	62.380.893.183	48.459.497.073	120.069.614	1.185.537.218	(58.009.851.548)	(44.275.684.072)	4.491.111.249	5.369.350.219
Tổng doanh thu bộ phận	3.177.469.577.965	2.923.851.672.492	144.677.842.356	138.455.890.342	(1.444.506.707.833)	(1.219.201.703.865)	1.877.640.712.488	1.843.105.858.969
Chi phí bộ phận	(2.893.866.675.712)	(2.747.323.562.966)	(345.926.229.357)	(396.649.535.278)	1.453.747.364.733	1.218.024.433.706	(1.786.035.540.356)	(1.925.948.662.538)
Kết quả kinh doanh bộ phận	283.602.902.253	176.528.109.526	(201.248.387.001)	(258.193.644.936)	9.250.656.900	(1.177.268.159)	91.605.172.152	(82.842.803.569)
Thu nhập khác							123.782.477.071	36.028.446.519
Chi phí khác							(123.122.707.300)	(32.414.716.080)
Thuế thu nhập							(51.115.770.714)	(30.959.580.265)
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế							41.149.171.209	(110.188.653.395)

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

	Nhựa		Thực phẩm		Tổng	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản						
Tài sản ngắn hạn	284.815.416.012	420.020.642.290	114.689.882.991	152.303.086.228	399.505.299.003	572.323.728.518
Tài sản dài hạn	1.075.587.736.062	1.146.330.374.063	315.514.280.046	335.855.916.056	1.391.102.016.108	1.482.186.290.119
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	192.423.577	2.316.778.124
	1.360.403.152.074	1.566.351.016.353	430.204.163.037	488.159.002.284	1.790.799.738.688	2.056.826.796.761
Nợ phải trả						
Nợ ngắn hạn	745.847.687.916	932.762.130.955	94.500.107.684	91.743.044.546	840.347.795.600	1.024.505.175.501
Nợ dài hạn	222.134.446.437	297.392.836.896	92.303.935.365	140.664.394.287	314.438.381.802	438.057.231.183
	967.982.134.353	1.230.154.967.851	186.804.043.049	232.407.438.833	1.154.786.177.402	1.462.562.406.684
Khấu hao và phân bổ	98.747.619.386	102.589.229.570	27.848.875.845	24.579.269.334	126.596.495.231	127.168.498.904
Các khoản dự phòng	-	179.046.000	181.255.817	29.893.044.076	181.255.817	30.072.090.076
Mua sắm tài sản	22.991.312.868	42.854.968.919	8.619.970.426	32.530.891.523	31.611.283.294	75.385.860.442

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

	Nhựa		Thực phẩm		Tổng	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản						
Tài sản ngắn hạn	284.815.416.012	420.020.642.290	114.689.882.991	152.303.086.228	399.505.299.003	572.323.728.518
Tài sản dài hạn	1.075.587.736.062	1.146.330.374.063	315.514.280.046	335.855.916.056	1.391.102.016.108	1.482.186.290.119
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	192.423.577	2.316.778.124
	1.360.403.152.074	1.566.351.016.353	430.204.163.037	488.159.002.284	1.790.799.738.688	2.056.826.796.761
Nợ phải trả						
Nợ ngắn hạn	745.847.687.916	932.762.130.955	94.500.107.684	91.743.044.546	840.347.795.600	1.024.505.175.501
Nợ dài hạn	222.134.446.437	297.392.836.896	92.303.935.365	140.664.394.287	314.438.381.802	438.057.231.183
	967.982.134.353	1.230.154.967.851	186.804.043.049	232.407.438.833	1.154.786.177.402	1.462.562.406.684
Khấu hao và phân bổ	98.747.619.386	102.589.229.570	27.848.875.845	24.579.269.334	126.596.495.231	127.168.498.904
Các khoản dự phòng	-	179.046.000	181.255.817	29.893.044.076	181.255.817	30.072.090.076
Mua sắm tài sản	22.991.312.868	42.854.968.919	8.619.970.426	32.530.891.523	31.611.283.294	75.385.860.442

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Nhựa		Thực phẩm		Tổng	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản						
Tài sản ngắn hạn	284.815.416.012	420.020.642.290	114.689.882.991	152.303.086.228	399.505.299.003	572.323.728.518
Tài sản dài hạn	1.075.587.736.062	1.146.330.374.063	315.514.280.046	335.855.916.056	1.391.102.016.108	1.482.186.290.119
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	192.423.577	2.316.778.124
	1.360.403.152.074	1.566.351.016.353	430.204.163.037	488.159.002.284	1.790.799.738.688	2.056.826.796.761
Nợ phải trả						
Nợ ngắn hạn	745.847.687.916	932.762.130.955	94.500.107.684	91.743.044.546	840.347.795.600	1.024.505.175.501
Nợ dài hạn	222.134.446.437	297.392.836.896	92.303.935.365	140.664.394.287	314.438.381.802	438.057.231.183
	967.982.134.353	1.230.154.967.851	186.804.043.049	232.407.438.833	1.154.786.177.402	1.462.562.406.684
Khấu hao và phân bổ	98.747.619.386	102.589.229.570	27.848.875.845	24.579.269.334	126.596.495.231	127.168.498.904
Các khoản dự phòng	-	179.046.000	181.255.817	29.893.044.076	181.255.817	30.072.090.076
Mua sắm tài sản	22.991.312.868	42.854.968.919	8.619.970.426	32.530.891.523	31.611.283.294	75.385.860.442

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	149.509.114.623	10.568.283.661	1.029.677.448.786	34.512.603.845	1.224.267.450.915
Tăng trong năm	6.946.773.532	1.177.419.105	4.149.371.161	-	12.273.563.798
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	44.943.368.637	8.999.999	44.952.368.636
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	-	46.805.390.168	4.913.903.900	51.719.294.068
Thanh lý	-	(355.588.991)	(227.547.821.812)	(2.455.548.064)	(230.358.958.867)
Xóa sổ	-	(41.413.560)	-	-	(41.413.560)
Phân loại lại	(5.676.386.696)	1.052.934.431	12.437.447.250	(7.935.742.821)	(121.747.836)
Số dư cuối năm	150.779.501.459	12.401.634.646	910.465.204.190	29.044.216.859	1.102.690.557.154
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	18.506.272.673	3.835.255.391	331.530.570.266	9.807.647.070	363.679.745.400
Khấu hao trong năm	7.570.212.248	1.887.848.254	80.775.004.091	2.898.446.258	93.131.510.851
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	-	10.789.916.624	2.384.694.762	13.174.611.386
Thanh lý	-	(302.098.955)	(117.803.793.654)	(1.531.889.480)	(119.637.782.089)
Xóa sổ	-	(41.413.560)	-	-	(41.413.560)
Phân loại lại	(1.124.601.455)	(333.769.941)	2.295.426.202	(856.032.597)	(18.977.791)
Số dư cuối năm	24.951.883.466	5.045.821.189	307.587.123.529	12.702.866.013	350.287.694.197
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	131.002.841.950	6.733.028.270	698.146.878.520	24.704.956.775	860.587.705.515
Số dư cuối năm	125.827.617.993	7.355.813.457	602.878.080.661	16.341.350.846	752.402.862.957

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản cố nguyên giá 98.746 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: 45.517 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 605.720 triệu VND (31/12/2011: 752.822 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

8. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	198.457.798.467	40.210.709.990	238.668.508.457
Tăng trong năm	77.834.367.601	-	77.834.367.601
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	44.878.207.846	-	44.878.207.846
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(46.805.390.168)	(4.913.903.900)	(51.719.294.068)
Phân loại lại	121.747.836	-	121.747.836
Số dư cuối năm	274.486.731.582	35.296.806.090	309.783.537.672
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	40.710.904.102	4.686.525.044	45.397.429.146
Khấu hao trong năm	23.216.351.839	814.715.105	24.031.066.945
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.789.916.624)	(2.384.694.762)	(13.174.611.386)
Phân loại lại	18.977.791	-	18.977.791
Số dư cuối năm	53.156.317.108	3.116.545.387	56.272.862.496
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	157.746.894.365	35.524.184.946	193.271.079.311
Số dư cuối năm	221.330.414.474	32.180.260.702	253.510.675.176

Tập đoàn thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	297.643.728.182	1.972.456.038	299.616.184.220
Tăng trong năm	6.673.618.266	-	6.673.618.266
Thanh lý	(6.918.371.495)	-	(6.918.371.495)
Số dư cuối năm	297.398.974.953	1.972.456.038	299.371.430.991
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.335.712.004	652.142.908	7.987.854.912
Khấu hao trong năm	2.388.825.148	452.041.296	2.840.866.444
Thanh lý	(245.139.156)	-	(245.139.156)
Số dư cuối năm	9.479.397.996	1.104.184.204	10.583.582.200
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	290.308.016.178	1.320.313.130	291.628.329.308
Số dư cuối năm	287.919.576.957	868.271.834	288.787.848.791

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 43.976 triệu VND (31/12/2011: 45.108 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định là 199.433 triệu VND (31/12/2011: 199.433 triệu VND) không tính khấu hao.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	60.150.944.416	204.787.146.822
Tăng trong năm	57.542.309.076	80.674.461.371
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(44.952.368.636)	(192.051.979.943)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(29.921.971.068)
Chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	(44.878.207.846)	(3.336.712.766)
Số dư cuối năm	27.862.677.010	60.150.944.416
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:		
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Máy móc	19.981.571.424	40.529.877.556
Phần mềm ERP	7.356.980.546	5.503.726.387
Khuôn nhựa	3.421.040	13.596.636.473
Khác	520.704.000	520.704.000
Số dư cuối năm	27.862.677.010	60.150.944.416

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.304.695.286	6.091.676.573	10.396.371.859
Tăng trong năm	-	4.595.324.025	4.595.324.025
Phân bổ trong năm	(1.206.661.032)	(3.700.800.793)	(4.907.461.825)
Số dư cuối năm	3.098.034.254	6.986.199.805	10.084.234.059

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:		
Chi phí phải trả	85.710.146	1.885.668.628
Lợi nhuận chưa thực hiện	106.713.431	431.109.496
	192.423.577	2.316.778.124

13. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	65.930.509.910
Phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	9.985.941.427
Phân bổ trong năm	6.593.050.991
Số dư cuối năm	16.578.992.418
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	55.944.568.483
Số dư cuối năm	49.351.517.492

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

14. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	550.050.884.467	678.201.196.114
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 18)	165.050.936.958	176.883.469.194
	715.101.821.425	855.084.665.308

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	9,0%-16,5%	276.978.172.336	375.451.105.642
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	USD	4,5%-6,0%	72.086.625.338	13.059.156.000
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	16,5%-17,6%	-	30.584.753.367
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	9,0%	32.481.791.558	25.837.927.273
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	14,0%	-	89.307.371.878
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	9,0% - 15,2%	78.980.828.793	-
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	USD	4,5% - 5,5%	36.594.539.275	-
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	10,5%	6.693.834.150	-
Ngân hàng ANZ	VND	16,0%-17,5%	-	32.700.129.000
Ngân hàng HSBC	VND	8,0%-18,5%	41.491.509.557	67.318.142.224
Ngân hàng HSBC(#)	VND	12,5%	-	13.859.031.177
Ngân hàng HSBC	USD	5,0%-5,6%	1.075.564.160	17.540.223.553
Ngân hàng HSBC(#)	USD	5,0% - 5,6%	3.668.019.300	-
Ngân hàng Bảo Việt	VND	15,0%-20,0%	-	12.543.356.000
			550.050.884.467	678.201.196.114

Khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 75.496 triệu VND và 9.953 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: tài sản cố định hữu hình là 138.848 triệu VND và tài sản cố định vô hình là 10.236 triệu VND).

(#) Các khoản vay này được đảm bảo bởi các khoản phải thu 2 triệu USD.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

15. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.013.125.403	5.773.625.725
Thuế nhập khẩu	33.028.270	260.814.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.657.554.010	12.379.855.634
Thuế thu nhập cá nhân	1.071.933.886	566.511.654
	<hr/> 7.775.641.569	<hr/> 18.980.807.486

16. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí lãi vay phải trả	10.146.269.381	12.815.207.133
Lương và thưởng	5.363.954.050	5.435.540.167
Chi phí khác	1.630.797.899	825.327.526
	<hr/> 17.141.021.330	<hr/> 19.076.074.826

17. Các khoản phải trả khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ký quỹ của khách hàng	10.767.761.757	9.368.967.015
Các khoản phải trả khác	4.609.288.453	4.514.838.949
	<hr/> 15.377.050.210	<hr/> 13.883.805.964

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

18. Vay và nợ dài hạn

		31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn	(a)	259.061.539.651	379.257.286.946
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	(b)	100.000.000.000	100.000.000.000
Nợ thuế tài chính	(c)	120.427.779.109	135.675.820.107
		479.489.318.760	614.933.107.053
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 14)		(165.050.936.958)	(176.883.469.194)
Hoàn trả sau 12 tháng		314.438.381.802	438.049.637.859

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn, trái phiếu và nợ thuế tài chính như sau:

(a) Vay dài hạn

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay từ Ngân hàng Tiền Phong và Ngân hàng Đại Dương	VND	17,0%-19,5%	2014	19.994.957.846	33.324.929.755
Ngân hàng Indovina	USD	7,5%	2013	-	4.668.359.386
Ngân hàng An Bình	VND	15,5% -21,0%	2013	105.000.000	262.500.000
Ngân hàng An Bình	VND	15,5% -21,0%	2014	9.353.230.000	14.233.270.000
Ngân hàng An Bình (*)	VND	15,0% -21,0%	2015	68.483.603.785	109.043.603.785
Ngân hàng An Bình	VND	15,0% -21,0%	2015	31.319.174.637	48.239.174.637
Ngân hàng Bảo Việt	VND	15,0% -19,0%	2014	2.808.889.400	4.212.489.400
Ngân hàng Bảo Việt	VND	15,0% -19,0%	2014	4.843.631.800	7.265.631.800
Ngân hàng Bảo Việt	VND	15,0% -19,0%	2014	1.134.000.000	1.701.000.000
Ngân hàng Bảo Việt	VND	15,0% -19,0%	2014	68.725.000	102.725.000
Ngân hàng Bảo Việt	VND	15,0% -19,0%	2016	106.332.827.183	136.713.603.183
Ngân hàng HSBC	VND	13,0% -19,7%	2015	14.617.500.000	19.490.000.000
				259.061.539.651	379.257.286.946

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ lần lượt là 530.224 triệu VND và 34.023 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: tài sản cố định hữu hình là 613.974 triệu VND và tài sản cố định vô hình là 34.872 triệu VND).

- (*) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bởi các cổ đông gồm Ông La Văn Hoàng, Bà La Bùi Hồng Ngọc, Ông La Hoài Nam, Bà Đào Thị Thuận, Bà Bùi Bích Hồng và Ông La Bùi Hoàng Nghĩa.

(b) Trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đợt 1 (i)	VND	16,0%-18,0%	2014	50.000.000.000	50.000.000.000
Đợt 2 (ii)	VND	14,8%-18,0%	2014	50.000.000.000	50.000.000.000
				100.000.000.000	100.000.000.000

i. Trái phiếu công ty không được đảm bảo và không có quyền chuyển đổi có mệnh giá 1 tỷ VND được phát hành vào ngày 20 tháng 5 năm 2009. Các trái phiếu chịu lãi suất năm 13% trong năm đầu tiên; từ năm thứ hai trở đi, lãi suất được tính cao hơn 13% và bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn một năm trung bình của bốn ngân hàng (Vietcombank, BIDV, VBARĐ và Vietinbank) cộng 4%. Các trái phiếu sẽ được hoàn trả hết vào ngày 20 tháng 5 năm 2014. Từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2012, lãi suất năm là 18% và 16% từ tháng 6 năm 2012.

ii. Trái phiếu công ty không được đảm bảo và không có quyền chuyển đổi có mệnh giá 1 tỷ VND được phát hành vào ngày 1 tháng 7 năm 2009. Các trái phiếu chịu lãi suất năm 13% trong năm đầu tiên; từ năm thứ hai trở đi, lãi suất bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn một năm trung bình của bốn ngân hàng (Vietcombank, BIDV, VBARĐ và Vietinbank) cộng 4%. Các trái phiếu sẽ được hoàn trả hết vào ngày 1 tháng 7 năm 2014. Từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2012, lãi suất năm là 18% và 16% từ tháng 7 năm 2012.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu đối với hợp đồng thuê tài chính phải trả trong tương lai như sau:

	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	31/12/2012 VND	
		Trả tiền lãi	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	63.435.654.503	13.859.605.355	49.576.049.148
Từ hai đến năm năm	85.634.735.466	14.783.005.505	70.851.729.961
	149.070.389.969	28.642.610.860	120.427.779.109
		31/12/2011 VND	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	72.124.507.099	13.880.628.887	58.243.878.212
Từ hai đến năm năm	89.324.608.688	11.892.666.793	77.431.941.895
	161.449.115.787	25.773.295.680	135.675.820.107

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ tương đương 9.145 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 27.261 triệu VND).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu ngân quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	396.606.520.000	46.900.000.000	(780.000)	5.714.053.793	10.973.114.162	192.503.849	117.180.573.235	577.565.985.039
Vốn cổ phần đã phát hành	125.893.480.000	-	-	-	-	-	-	125.893.480.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	(108.234.917.612)	(108.234.917.612)
Trích vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(960.157.350)	(960.157.350)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	5.714.053.793	10.973.114.162	192.503.849	7.985.498.273	594.264.390.077
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	41.749.171.209	41.749.171.209
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	5.714.053.793	10.973.114.162	192.503.849	49.734.669.482	636.013.561.286

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	Số cổ phiếu	%
Ông La Văn Hoàng	15.822.496	30,14%
Bà Bùi Bích Hồng	9.746.823	18,57%
Bà La Bùi Hồng Ngọc	9.586.963	18,26%
Red River Holding	5.637.874	10,74%
Cổ đông khác	11.455.766	22,29%
	52.249.922	100%

21. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập như dự phòng cho các rủi ro kinh doanh chung trong tương lai của Công ty.

(ii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối căn cứ trên tỷ lệ phần trăm do cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên. Quỹ này dùng cho chi phí Hội đồng Quản trị Công ty.

22. Lợi ích cổ đông thiểu số

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	-	1.953.735.783
Cổ đông thiểu số góp vốn	600.000.000	-
Lỗ thuộc các cổ đông thiểu số	(600.000.000)	(1.953.735.783)
	-	-
Số dư cuối năm	-	-

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

23. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2012	2011
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Hàng hóa đã bán	1.882.900.966.370	1.860.760.889.026
Các khoản giảm trừ		
▪ Chiết khấu thương mại	(22.215.431)	(3.020.285.284)
▪ Giảm giá hàng bán	(17.160.960)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(9.711.988.740)	(20.004.094.992)
Doanh thu thuần	<u>1.873.149.601.239</u>	<u>1.837.736.508.750</u>

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012	2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.139.203.958	1.665.983.443
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.016.188.706	3.357.469.933
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	303.227.710	313.637.136
Doanh thu hoạt động tài chính khác	32.490.875	32.259.707
	<u>4.491.111.249</u>	<u>5.369.350.219</u>

25. Chi phí tài chính

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	166.214.865.952	252.699.597.645
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.813.359.832	14.980.324.698
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	231.108.817	3.004.134.492
Chi phí tài chính khác	10.264	60.000.000
	<u>170.259.344.865</u>	<u>270.744.056.835</u>

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

26. Thu nhập khác

	2012 VND	2011 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	111.959.484.849	33.762.384.636
Thu nhập khác	11.822.992.222	2.266.061.883
	123.782.477.071	36.028.446.519

27. Chi phí khác

	2012 VND	2011 VND
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định thanh lý	117.394.409.117	26.752.721.231
Chi phí khác	5.728.298.183	5.661.994.849
	123.122.707.300	32.414.716.080

28. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	48.991.416.167	25.753.413.003
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	5.993.909.918
	48.991.416.167	31.747.322.921
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoãn nhập các chênh lệch tạm thời	2.124.354.547	(787.742.656)
	51.115.770.714	30.959.580.265

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	92.264.941.923	(79.229.073.130)
Thuế theo thuế suất của Công ty	23.066.235.481	(19.807.268.283)
Ưu đãi thuế	(16.348.849.599)	(14.874.545.611)
Ảnh hưởng của thuế suất khác nhau	11.514.678.257	16.199.349.320
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.526.723.001	5.940.666.035
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế của các công ty con	28.356.983.574	33.203.262.212
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trên chênh lệch tạm thời	-	4.304.206.674
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	5.993.909.918
	51.115.770.714	30.959.580.265

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ hoạt động kinh doanh tại nhà máy ở Huyện Củ Chi của Công ty, chịu thuế suất 15%.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần PET Quốc tế và Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp lần lượt bằng 20% và 15% trên lợi nhuận chịu thuế. Tuy nhiên, cả hai công ty đều được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Nắp Quốc tế có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên và 25% cho các năm tiếp theo và được miễn thuế thu nhập trong 2 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập cho 4 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

29. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại ngày kết thúc năm, được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông	41.749.171.209	(108.234.917.612)

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2012	2011
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	52.249.922	39.660.574
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông đã phát hành	-	11.712.208
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	52.249.922	51.372.782

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm ẩn.

30. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, Tập đoàn hướng đến phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	28.131.185.838	45.849.013.598
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	99.519.945.995	201.281.381.442
		127.651.131.833	247.130.395.040

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 60 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tuổi nợ của các khoản phải thu thương mại và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	21.573.105.340	36.758.725.561
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	6.679.909.551	9.651.624.373
Quá hạn trên 180 ngày	7.022.660.204	4.151.891.657
	<hr/>	<hr/>
	35.275.675.095	50.562.241.591

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Tăng dự phòng trong năm và số dư cuối năm	837.618.006	-

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND	2 - 5 năm VND
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	107.769.841.322	107.769.841.322	107.769.841.322	-	-
Vay ngắn hạn	550.050.884.467	565.333.139.703	565.333.139.703	-	-
Vay dài hạn	259.061.539.651	313.790.873.362	148.993.667.347	108.215.874.267	56.581.331.748
Trái phiếu dài hạn	100.000.000.000	244.261.805.556	122.130.902.778	15.375.000.000	106.755.902.778
Nợ thuế tài chính	120.427.779.109	149.070.389.969	63.435.654.503	37.589.807.204	48.044.928.262
	1.137.310.044.549	1.380.226.049.912	1.007.663.205.653	161.180.681.471	211.382.162.788

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

(i) Rủi ro hối đoái

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Tập đoàn có rủi ro hối đoái từ các giao dịch bán, mua và vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.321
Phải thu khách hàng	228.730
Phải trả người bán	(325.601)
Vay ngắn hạn	(5.449.690)
Nợ thuê tài chính	(171.439)
	<hr/>
	(5.694.679)

Tỷ giá được Tập đoàn áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 20.812 VND đổi 1 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 20.828 VND đổi 1 USD).

Các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không trọng yếu. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau. Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Nợ thuế tài chính	(120.427.779.109)	(135.675.820.107)
<i>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</i>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.131.185.838	45.849.013.598
Vay ngắn hạn	(550.050.884.467)	(678.201.196.114)
Vay dài hạn	(259.061.539.651)	(379.257.286.946)
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
	(880.981.238.280)	(1.111.609.469.462)

Nếu lãi suất thị trường tăng 100 điểm sẽ làm giảm 6.599 triệu VND lợi nhuận thuần của Tập đoàn. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

31. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	2012 VND	2011 VND
Tái sản cố định hữu hình thuê tài chính	77.834.367.601	26.885.440.000
Xây dựng cơ bản dở dang thuê tài chính	44.878.207.846	40.529.877.556
Chuyển chi phí trả trước dài hạn sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	4.803.780.260

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Tập đoàn có quan hệ bên liên quan với các cổ đông chính. Tập đoàn cũng có quan hệ bên liên quan với công ty liên kết, các giám đốc và các cán bộ quản lý.

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	% sở hữu
Các công ty con			
Công ty Cổ phần thực phẩm Đông A	Sản xuất và kinh doanh bánh kẹo và thực phẩm	3900419455	95%
Công ty Cổ phần PET Quốc tế	Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, khuôn mẫu và sản phẩm công nghiệp	3900785589	98%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	Sản xuất nước chấm, sữa và các sản phẩm liên quan, nước giải khát không cồn; sản xuất các sản phẩm bằng nhựa	3400811368	90%
Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam	Sản xuất bao bì bằng nhựa	4103009341	99%
Công ty Cổ phần Nắp Quốc tế	Sản xuất bao bì bằng nhựa, khuôn kim loại	3901021836	79%
Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu	Sản xuất bao bì bằng nhựa, khuôn kim loại	3901102796	98%

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Tổng lương và thưởng cho các nhân sự chủ chốt như sau:

	2012 VND	2011 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	18.725.410.825	17.225.831.111

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.713.613.233.355	1.484.663.435.074
Chi phí nhân công	139.696.782.779	134.115.622.403
Chi phí khấu hao và phân bổ	126.596.495.231	127.168.498.904
Chi phí khác	238.367.635.987	294.514.686.724

Người lập:


Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng



Người duyệt:


La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013